

KHO BẠC NHÀ NƯỚC
KHO BẠC NHÀ NƯỚC KIÊN GIANG

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG THÁNG 8 NĂM 2024

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/8/2024

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
	TỔNG CỘNG (A+B)	2,098,725	393,639	18.76%	10,961,514	2,751,293	25.10%
A	DỰ ÁN DO BỘ, NGÀNH QUẢN LÝ	57,885	21,325	36.84%	935,242	433,193	46.32%
I	Tòa án nhân dân tối cao	-	-	-	60,000	40,633	67.72%
1	7939089 - XD mới trụ sở làm việc Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang				60,000	40,633	67.72%
II	Viện kiểm sát Nhân dân tối cao	1,284	1,284	100%	25,400	22,293	142.33%
1	7564523 - Trụ sở Viện kiểm sát ND tỉnh Kiên Giang.				23,000	21,076	91.64%
2	7918521 - XD trụ sở Viện kiểm sát nhân dân TP.Hà Tiên	1,284	1,284	100%	2,400	1,217	50.69%
III	Bộ Công An	-	-	-	30,000	16,704	55.68%
1	081100001 - Cơ sở tạm giữ thuộc Công an tỉnh Kiên Giang (03 nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố Rạch giá, công an huyện Hòn Đất và công an huyện Tân Hiệp)				14,000	12,847	91.77%
2	081100007 - Trại tạm giam công an tỉnh Kiên Giang				16,000	3,857	24.11%
IV	Bộ Quốc phòng	-	-	-	147,311	72,702	49.35%
1	081100021 - Xây dựng doanh trại các đơn vị thuộc BCHQS tỉnh Kiên Giang/Quân khu 9				60,000	45,612	76.02%
2	120211101 - Nhà nghiệp vụ đối ngoại HQ Vùng 5/BQP				29,010	13,038	44.94%
3	700468602 - Dự án ĐTXD công trình khu KTQP Tứ giác Long Xuyên/QK9(Giai đoạn 2)				636	134	21.14%
4	700468603 - Dự án ĐTXD công trình khu KTQP Tứ giác Long Xuyên/QK9(Giai đoạn 3)				37,665	11,879	31.54%
5	081100029 - Xây dựng 02 Đồn Biên phòng Tây Yên (722) và Vĩnh Điều (965) Bộ Chỉ huy BDBP tỉnh Kiên Giang				20,000	2,039	10.19%
V	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	-	-	-	71,000	70,555	99.37%
1	7923678 - Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Nam Du				70,000	70,000	100.00%
2	DA thành phần số 5: Các công trình cấp nước TT nông thôn tỉnh Kiên Giang thuộc DACT trữ nước và HT cấp nước sinh hoạt tại các vùng có nguồn nước bị ô nhiễm,....				1,000	555	55.46%
VI	Bộ Tư pháp	-	-	-	20,000	821	4.10%
1	8050907 - Dự án đầu tư Trụ sở cơ quan Thi hành án dân sự giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang				20,000	821	4.10%
VII	Bộ Tài chính	49,498	12,938	27.39%	-	-	-

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
1	7558675 - Chi cục thuế huyện An Minh	2,270	-	0.00%	-	-	
2	7866895 - Trụ sở Chi cục Hải quan Phú Quốc	47,228	12,938	27.39%	-	-	
VIII	Bộ Giao thông Vận Tải	7,103	7,103	100.00%	581,531	209,485	36.02%
1	7945696 - Dự án thành phần đoạn Hậu Giang – Cà Mau thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025	7,103	7,103	100.00%	145,029	37,582	25.91%
2	Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoàn Rạch Sỏi-Bến Nhất-Gò quao-Vĩnh Thuận-Huyện Vĩnh Thuận				156,480	156,480	100.00%
3	Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoàn Rạch Sỏi-Bến Nhất-Gò quao-Vĩnh Thuận-Huyện Gò Quao				212,722	1,119	0.53%
4	Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoàn Rạch Sỏi-Bến Nhất-Gò quao-Vĩnh Thuận-Huyện Châu Thành				51,300	169	0.33%
5	8054883 - Tiểu dự án GPMB, TĐC công trình cầu Vàm xáng Thị đội - Giồng Riềng (thuộc DA Nâng cao tính không các cầu đường bộ cắt qua tuyến đường thủy nội địa quốc gia - GĐ1 KV phía nam)				16,000	14,136	88.35%
B	DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ	2,040,840	372,314	18.24%	10,026,272	2,318,100	23.12%
	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH (HỖND TỈNH GIAO)	1,540,840	205,854	13.36%	10,026,272	2,318,100	23.12%
I	Dự án tỉnh quản lý	483,052	88,211	18.26%	5,398,872	854,766	15.83%
I.1	BCH Bộ đội biên phòng tỉnh	78	-	-	107,448	17,280	16.08%
1	081100013 - Dự án Đồn Biên phòng Xẻo Nhàu (714) xã Tân Thạnh, huyện An Minh				30,000	-	0.00%
2	081100015 - Trạm kiểm soát Biên phòng Hòn Nghệ				2,998	1,009	33.67%
3	220211129 - Hệ thống kiểm soát an ninh công nghệ cao cho 03 trạm kiểm soát biên phòng				29,000	9,733	33.56%
4	081100011 - Trạm kiểm soát Biên phòng Xẻo Nhàu				4,300	2,033	47.28%
5	081100030 - Trạm kiểm soát Biên phòng Đồi Mồi				11,900	577	4.85%
6	220190015 - Đồn Biên phòng CKC Hòn Chông				17,600	759	4.31%
7	081100023 - Dự án Đầu tư xây dựng Đồn Biên phòng Tiên Hải (738)				700	117	16.76%
8	081100031 - Dự án cải tạo, sửa chữa và mua sắm thiết bị, doanh cụ công trình BCH BĐ Biên phòng tỉnh Kiên Giang				10,600	3,052	28.79%
9	081100035 - Đồn Biên phòng Tây Yên, huyện An Biên				350	-	0.00%
10	TKS Biên phòng Rạch Giá	39	-	0.00%	-	-	
11	TKS biên phòng Kim Quy	39	-	0.00%	-	-	
I.2	BCH Quân sự tỉnh	15,355	4,692	30.56%	104,910	57,812	55.11%
1	081100026 - Cải tạo, sửa chữa, nâng nền, mua sắm thiết bị nhà ăn Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang				1,692	1,089	64.34%

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
2	081100016 - Dự án Xây dựng một số hạng mục trong khu vực phòng thủ tỉnh Kiên Giang				100,000	56,723	56.72%
3	081100034 - Ban CHQS phường Mỹ Đức, ban CHQS phường Bình San thuộc TP. Hà Tiên				571	-	0.00%
4	081100036 - Ban CHQS xã Phú Mỹ, Ban CHQS xã Tân Khánh Hòa thuộc huyện Giang Thành				576	-	0.00%
5	081100037 - Ban CHQS xã Bàn Thạch, ban CHQS xã Hòa Thuận, ban CHQS xã Thạnh Bình thuộc huyện Giồng Riềng				689	-	0.00%
6	081100038 - Ban CHQS xã Hưng Yên, ban CHQS xã Đông Thái thuộc huyện An Biên, ban CHQS xã Thuận Hòa thuộc huyện An Minh				691	-	0.00%
7	081100039 - Ban CHQS phường Vĩnh Lợi Tp. Rạch Giá, ban CHQS thị trấn Minh Lương huyện Châu Thành, ban CHQS xã Tân Hiệp A huyện Tân Hiệp				691	-	0.00%
8	Xây dựng trạm sửa chữa tổng hợp do Bộ CHQS tỉnh quản lý	4	-	0.00%			
9	Đầu tư, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin phục vụ nhiệm vụ quốc phòng và quân sự địa phương	353	-	0.00%			
10	Đầu tư xây dựng mới và sửa chữa doanh trại Đội Quy tập mộ liệt sĩ tại Campuchia (Đội K92)	14,998	4,692	31.29%			
I.3	Công an tỉnh	-	-	-	26,769	9,704	36.25%
1	081100018 - Trạm công an kiểm soát giao thông đường thủy Tắc Cậu thuộc Công an tỉnh Kiên Giang				5,000	3,053	61.05%
2	081100022 - Trụ sở làm việc công an các xã Tân An, Hòa An, Thạnh Đông A, Ngọc Thuận, Ngọc Thành, Mỹ Phước thuộc CA tỉnh Kiên Giang				9,000	5,000	55.56%
3	081100032 - Sửa chữa cải tạo, xây mới một số hạng mục công trình Đội chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ huyện Kiên Lương thuộc công an tỉnh Kiên Giang				2,169	687	31.66%
4	081100033 - Trụ sở làm việc công an các xã Đông Hưng, Hưng Yên, Long Thành, Bình An (Kiên Lương), Vĩnh Phong, Nam Yên và cải tạo sửa chữa, xây dựng mới CSLV công an xã Bình An (Kiên Lương) thuộc công an tỉnh Kiên Giang				5,600	965	17.23%
5	220211135 - Trụ sở làm việc Đội chữa cháy và cứu hộ cứu nạn khu vực phường Vĩnh Quang thuộc CA tỉnh Kiên Giang				5,000	-	0.00%
I.4	Sở giáo dục và đào tạo	153,528	2,313	1.51%	71,677	44,730	62.41%
1	8020891 - Nâng cấp, sửa chữa Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Gò Quao				2,201	2,201	100.00%
2	8014718 - Nâng cấp, sửa chữa Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở An Biên				4,800	3,693	76.94%

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
3	8038108 - Nâng cấp, sửa chữa Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Hà Tiên	436	29	6.58%	1,200	888	73.96%
4	8037915 - Nâng cấp, sửa chữa Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Giồng Riềng	1,128	1,128	100.00%	1,473	1,180	80.12%
5	8020890 - Nâng cấp, sửa chữa Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Châu Thành	1,156	1,156	100.00%	1,103	1,103	100.00%
6	7920310 - Trường Trung học phổ thông Dương Đông				1,350	-	0.00%
7	7920317 - Trường Trung học phổ thông An Thới, PQ				21,500	12,409	57.72%
8	7920315 - Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Châu Thành, huyện Châu Thành				5,400	1,669	30.91%
9	7920309 - Trường Trung học cơ sở & Trung học Phổ thông Nguyễn Văn Xiện, An Minh				1,000	-	0.00%
10	7920314 - Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Giáo dục & Đào tạo tỉnh Kiên Giang				450	100	22.14%
11	7920307 - Trường Trung học Phổ thông Cây Dương				1,000	-	0.00%
12	7920319 - Trường Trung học Phổ thông Phú Quốc				23,000	19,416	84.42%
13	7976847 - Trường Tiểu học Phạm Văn Hón, huyện U Minh Thượng				1,500	-	0.00%
14	7981038 - Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Phan Thị Ràng				2,500	1,537	61.47%
15	7981037 - Xây dựng mới 06 phòng học và cải tạo, sửa chữa 12 phòng học Trường Tiểu học Thị trấn Giồng Riềng 1; Xây mới 04 phòng học Trường Trung học cơ sở Mai Thị Hồng Hạnh				2,000	34	1.70%
16	7920313 - Trường Tiểu học Phú Lợi				500	500	100.00%
17	7920306 - Trường Trung học Phổ thông An Biên				700	-	0.00%
18	Dự án mua sắm trang thiết bị dạy học lớp 3,4,7,10 và thiết bị khoa học tự nhiên (Trung học cơ sở); phòng học bộ môn Lý, Hóa, Sinh, Công nghệ (trung học phổ thông) chương trình giáo dục phổ thông năm 2018	150,000	-	0.00%			
19	7920308 - Trường Trung học cơ sở & Trung học Phổ thông Vĩnh Phong	226	-	0.00%			
20	7920318 - Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Vĩnh Thắng, Gò Quao	581	-	0.00%			
1.5	Sở giao thông vận tải	-	-	-	587,815	158,758	27.01%
1	7883640 - DA ĐTXD CT đường bộ ven biển từ Hòn Đất đi Kiên Lương				300,000	62,712	20.90%
2	7768579 - ĐTXD đường 3/2 nối dài (đường ven biển tỉnh KG đoạn qua TPRG và huyện Châu thành)				230,244	92,947	40.37%
3	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ ven biển kết nối tỉnh Kiên Giang với tỉnh Cà Mau				10,000	-	0.00%

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
4	Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT 963 đoạn từ Quốc lộ 80-Vị Thanh qua huyện Tân Hiệp và huyện Giồng Riềng				10,000	-	0.00%
5	Đầu tư xây dựng Cầu Đông Hồ, thành phố Hà Tiên				3,000	-	0.00%
6	8078476 - Đầu tư xây dựng công trình đường ven biển phía tây đảo Phú Quốc (CBĐT)				2,080	839	40.34%
7	Đầu tư xây dựng đường Phan Thị Ràng nối dài đến tuyến tránh thành phố rạch giá				231	-	0.00%
8	Đầu tư xây dựng đường tỉnh ĐT 970 nối dài (từ cầu tám ngàn đến đường ven biển Hòn Đất-Kiên Lương)				232	-	0.00%
9	Đầu tư xây dựng công trình Quốc Lộ 63 (thứ 7) kết nối đường bộ ven biển nối tỉnh Kiên Giang với tỉnh Cà Mau				315	-	0.00%
10	Đầu tư xây dựng công trình nâng cấp Quốc lộ 80 (đoạn từ nút giao N1-Nguyễn Phúc Chu và Phương Thành-Cửa khẩu quốc tế Hà Tiên)				760	-	0.00%
11	Đầu tư xây dựng công trình đường từ ven biển Rạch giá-Hòn Đất đến tuyến tránh thành phố Rạch giá (ranh giới Rạch giá-Hòn Đất)				158	-	0.00%
12	Đầu tư xây dựng công trình Nguyễn Văn Cừ nối dài đến tuyến tránh Thành Phố Rạch giá				183	-	0.00%
13	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Ba Hòn trên tuyến đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang				3,770	-	0.00%
14	Đầu tư xây dựng công trình đường Võ văn Kiệt nối dài (Quốc lộ 61-đường 3/2)				1,665	-	0.00%
15	Đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường nối U Minh Thượng-An Minh-Vĩnh Thuận (QL 63-ĐT 965-hành lang ven biển phía nam-ĐT 968)				339	-	0.00%
16	Đầu tư xây dựng Công trình đường ven biển kết nối với cảng An Thới				495	-	0.00%
17	Đầu tư xây dựng công trình cầu trên đường ven biển kết nối từ An Biên-thành phố Rạch giá				12,000	155	1.29%
18	Đầu tư xây dựng công trình đường trục chính ven biển vào trung tâm thành phố Rạch giá				7,005	2,104	30.04%
19	Đầu tư xây dựng công trình đường từ ĐT 965 (Công sự) sông Cái lớn (U Minh Thượng)				296	-	0.00%
20	Đầu tư xây dựng công trình đường tỉnh ĐT 965C - Kết nối QL63				245	-	0.00%
21	Đầu tư xây dựng công trình đường từ QL80-đường ven biển (Sóc Xoài), huyện Hòn Đất				201	-	0.00%

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
22	Đầu tư xây dựng công trình đường ven sông Cái Lớn (Châu Thành-Gò Quan)				396	-	0.00%
23	Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến Quốc lộ 80 (đoạn từ nút giao với tuyến tránh Rạch giá đến cầu Ba Hòn)				4,000	-	0.00%
24	Dự án đóng mới tàu Thổ Châu-Phú Quốc				200	-	0.00%
I.6	Sở văn hóa thể thao	5,278	105	1.99%	122,384	70,479	57.59%
1	220230006 - Hỗ trợ, tôn tạo di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của đồng bào dân tộc Khmer	26	-	0.00%			
2	220230012 - Dự án Chùa Láng Cát: hạng mục Hội đoàn kết sư sãi yêu nước tỉnh Kiên Giang	118	-	0.00%			
3	Dự án chùa Láng Cát: Hạng mục Hội đoàn kết sư sãi yêu nước tỉnh Kiên Giang	788	-	0.00%			
4	Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của đồng bào dân tộc Khmer	174	-	0.00%			
5	7787162 - Tượng Đài bác Hồ (Tại Phú Quốc)	-	-	0.00%	108,884	70,479	64.73%
6	7745211 - Cải tạo, SC Trung tâm VH TT tỉnh GD 2016-2020	3,900	-	0.00%	3,500	-	0.00%
7	Dự án cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Văn hóa, Thể thao tỉnh Kiên Giang (Hàng rào bảo vệ khuôn viên Vông viên văn hóa An Hòa)	271	105	38.66%			
8	8009358 - Đầu tư hệ thống nội thất và thiết bị trưng bày công trình Trung tâm triển lãm văn hóa nghệ thuật và bảo tồn di sản văn hóa tỉnh Kiên Giang				10,000	-	0.00%
I.7	Sở Tài nguyên Môi trường	-	-	-	224,203	3,556	1.59%
1	Dự án cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh				223,602	3,556	1.59%
2	Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:2000 và 1:5000 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang				601	-	0.00%
I.8	BQL chuyên ngành Nông nghiệp và PTNT	23,402	5,208	22.26%	485,959	137,731	28.34%
1	Tiểu dự án ĐTXD cơ sở hạ tầng phòng chống xói lở bờ biển và hỗ trợ nuôi trồng thủy sản huyện An Minh, An Biên-thuộc dự án chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL)-09 cổng				4,488	4,488	100.00%
2	Xây dựng hệ thống cấp nước thô liên huyện An Biên-An Minh-U Minh Thượng-Vĩnh Thuận				173,150	3,259	1.88%
3	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp nâng cấp, mở rộng cảng cá đảo Thổ Châu, thành phố Phú Quốc				64,000	5,441	8.50%
4	Đầu tư xây dựng 18 cống trên tuyến đê biển, ven biển tỉnh Kiên Giang				162,390	108,979	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
5	Dự án phát triển thủy sản bền vững tỉnh Kiên Giang thuộc dự án SFDP				5,750	2,953	51.35%
6	Dự án đầu tư xây dựng 03 Cống Đầm Chích, Phú Mỹ Xẻo nhâu				7,470	3,253	43.54%
7	Dự án chống sạt lở kết hợp bãi thải nạo vét khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Nam Du				2,618	1,978	75.56%
8	8072700 - ĐTXD hồ chứa nước Cửa Cạn (phía thượng lưu cầu Suối Cái) phục vụ sản xuất và sinh hoạt, thành phố Phú Quốc (CBĐT)	500	500	100.00%	6,093	4,095	67.21%
9	Đầu tư xây dựng khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Nam Du (Đổi ứng TW-GPMB)	5,000	683	13.65%			
10	Dự án kết hợp bảo vệ vùng ven biển và phục hồi đất đai rừng ngập mặn tại Kiên Giang và Cà Mau				50,000	-	0.00%
11	Dự án chống sạt lở bờ biển và phục hồi tuyến đê, kè biển từ Tiểu Dừa đến khu vực Kim Quy huyện An Minh	17,902	4,026	22.49%			
12	Dự án bảo vệ, phát triển rừng và phòng cháy chữa cháy tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025				10,000	3,285	32.85%
1.9	Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn	19,792	8,003	40.44%	115,189	19,967	17.33%
1	Dự án cấp nước tập trung trên địa bàn nông thôn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020	467	36	7.75%			
2	Đầu tư mạng đường ống cấp nước đến hộ gia đình sau tuyến ống chính thuộc dự án công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn				62,492	3,111	4.98%
3	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang				600	446	74.27%
4	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Cửa Cạn, TP Phú Quốc				400	156	38.99%
5	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Hòa Chánh, huyện U Minh Thượng				1,400	1,251	89.39%
6	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Thới Quản, huyện Gò Quao				700	635	90.77%
7	8022753 - Đầu tư mới Trạm cấp nước xã Mỹ Phước, huyện Hòn Đất, công suất: 50m ³ /h				8,500	3,511	41.31%
8	Trạm cấp nước ấp Bình Minh, huyện Vĩnh Thuận				20,000	1,430	7.15%
9	8064513 - Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Đông Thái				10,490	4,474	42.65%
10	8064512 - Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Vĩnh Bình Bắc				10,000	4,345	43.45%
11	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang	340	-	0.0%			
12	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Cửa Cạn, TP Phú Quốc	162	-	0.0%			

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
13	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Thới Quán, huyện Gò Quao	162	-	0.0%			
14	Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước xã Tân Khánh Hòa, huyện Giang Thành	455	-	0.0%			
15	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang	57	-	0.0%			
16	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Tân Thạnh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang	93	-	0.0%			
17	8070119 - Dự án nước sạch nông thôn gắn với chỉ tiêu XD nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và VSNT đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	3,755	901	24.01%			
18	8070118 - Trạm cấp nước Thới An, xã Thới Quán	14,302	7,066	49.41%			
19	Hệ thống đường ống nước xã Tân Khánh Hòa				607	607	99.93%
I.10	BQL ĐTXD chuyên ngành Giao thông vận tải	-	-	-	714,500	182,484	25.54%
1	Xây mới cầu U Minh Thượng trên đường tỉnh 965, huyện U Minh Thượng				31,000	7,837	25.28%
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến quốc lộ 80 đoạn Km188+700 (nút giao TT Ba Hòn, Kiên Lương) đến Km 204+300 (nút giao QL.N1, thành phố Hà Tiên)				5,000	1,585	31.70%
3	Đầu tư xây dựng công trình cảng hành khách Rạch giá, phường Vĩnh Thanh, TPRG, tỉnh Kiên Giang				220,000	12,971	5.90%
4	Đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường Dương Đông-Cửa cạn-Gành Dầu và xây mới nhánh nối với đường trục Nam-Bắc				140,000	90,315	64.51%
5	Đường ven sông cái lớn (đi qua huyện An Biên, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận và một phần huyện Gò quao)				29,000	10,790	37.21%
6	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường viên biển từ Rạch giá đi Hòn Đất				240,000	38,694	16.12%
7	Cải tạo, nâng cấp đường vào khu căn cứ Tỉnh Ủy ở U Minh Thượng				45,000	20,292	45.09%
8	7011322 - Dự án khôi phục Cầu Rạch Sỏi				3,000	-	0.00%
9	7067425 - Đường Nguyễn Công Trứ - TXRG				69	-	0.00%
10	7067446 - Tỉnh lộ 28				86	-	0.00%
11	7067455 - Đường Đồng Đa - TXRG				184	-	0.00%
12	7067465 - Đường Lâm Quang Ky (Đồng Đa - Kinh Cụt)				124	-	0.00%
13	7116921 - Đường Chắc Kha - Bàn Tân Định				106	-	0.00%
14	7116950 - Đường Tây Yên - Tây Yên A - An Biên				87	-	0.00%
15	7117000 - Nâng cấp đường thứ 7 - Cán Gáo				60	-	0.00%

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
16	7117053 - Duong tu Minh Luong den pha Tac Cau				181	-	0.00%
17	7117066 - Đường Lý Thường Kiệt - Thị xã Rạch Giá				134	-	0.00%
18	7117115 - Đường Trương Định - Thị xã Rạch Giá				55	-	0.00%
19	7117120 - Đường Đường Xuồng - Thới Quản				63	-	0.00%
20	7117246 - Đường Ngọc Chúc - Hòa Thuận - Hòa an - GR				14	-	0.00%
21	7117421 - Đường Ngọc Chúc - Công Bình - Vị Thanh				227	-	0.00%
22	7117460 - Đường Trần Quang Khải - Thị xã Rạch Giá				60	-	0.00%
23	7121268 - QUOC LO 80				49	-	0.00%
L.11	BQL các dự án ĐTXD chuyên ngành dân dụng và công nghiệp	156,311	43,712	27.96%	725,697	106,598	14.69%
1	7995738 - Trang thiết bị kỹ thuật phục vụ sản xuất chương trình, quản lý, lưu trữ phát sóng truyền hình của Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang				31,500	363	1.15%
2	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Sở Lao động Thương binh và Xã hội Kiên Giang (giai đoạn 2)				1,000	721	72.10%
3	Xây dựng trụ sở Hội chữ thập đỏ tỉnh				3,370	960	28.50%
4	7991592 - Cải tạo, sửa chữa dãy nhà làm việc, phòng khánh tiết, nhà ăn, nhà để xe, hàng rào, rãnh thoát nước (CBĐT)				7,900	939	11.88%
5	7988510 - Cải tạo, sửa chữa VP Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh Kiên Giang (CBĐT)				2,870	2,870	100.00%
6	Xây dựng trụ sở các chi nhánh trực thuộc văn phòng đăng ký đất đai tỉnh: Giang Thành, Châu Thành, Gò Quao, U Minh Thượng, Hà Tiên, Giồng Riềng, Tân Hiệp				1,000	890	89.03%
7	Dự án sửa chữa trụ sở làm việc Thanh tra tỉnh Kiên Giang				415	-	0.00%
8	Cải tạo, xây mới, mua sắm thiết bị dạy nghề Trường Trung cấp kỹ thuật nghiệp vụ tỉnh Kiên Giang				14,550	6,761	46.47%
9	Cải tạo, sửa chữa, xây mới và mua sắm thiết bị dạy nghề Trường Trung cấp nghề vùng Tứ giác Long Xuyên				7,700	471	6.12%
10	Trường THCS và THPT Vĩnh Hòa				2,000	1,506	75.30%
11	Trường THCS và THPT Minh Thuận				8,979	2,681	29.85%
12	Trường THCS và THPT Vĩnh Hòa Hưng Bắc				10,500	3,965	37.76%
13	Trường THCS Nguyễn Trường Tộ				20,400	6,157	30.18%
14	Trường THCS Đông Hồ				10,000	-	0.00%
15	Trường THPT Thoại Ngọc Hầu				7,000	1,004	14.34%
16	Trường THCS và THPT Bình Sơn, huyện Hòn Đất				12,500	9,001	72.01%
17	Trường THPT Giồng Riềng				6,400	5,773	90.20%
18	Trường THPT Kiên Lương				10,000	3,365	33.65%
19	Trường tiểu học thị trấn Kiên Lương 1				4,800	2,637	54.94%

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
20	Đầu tư xây dựng Trường Cao đẳng Kiên Giang: hạng mục cải tạo, sửa chữa và mua sắm TB				3,000	789	26.29%
21	Bệnh viện Ung Bướu tỉnh Kiên Giang, quy mô 400 giường				141,443	225	0.16%
22	Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng				158,180	25,868	16.35%
23	7660260 - Trung tâm Y tế huyện Giang Thành				178,500	11,884	6.66%
24	Dự án Bệnh viện sản nhi				2,200	1,642	74.65%
25	7130200 - Bệnh viện Ung Bướu tỉnh Kiên Giang	67	-	0.00%			
26	8009360 - Trung tâm văn hóa, thể thao và truyền thanh huyện Giang Thành				10,000	7,834	78.34%
27	7576218 - ĐTXD Cơ sở hạ tầng khu di tích lịch sử thắng cảnh núi Mo So và hồ Hoa Mai	461	35	7.56%			
28	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng Nghĩa trang liệt sĩ huyện Gò Quao				7,380	88	1.19%
29	Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS Hà Tiên				10,000	392	3.92%
30	Trường phổ thông dân tộc nội trú THPT Kiên Giang				7,000	3,996	57.09%
31	Trường THPT Thạnh Đông				8,000	143	1.78%
32	Trường THCS và THPT Nguyễn Hùng Hiệp, huyện Hòn Đất				8,000	658	8.22%
33	Nâng cấp, cải tạo Trường Trung cấp nghề dân tộc nội trú tỉnh Kiên Giang				16,460	180	1.09%
34	Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành				700	-	0.00%
35	Cải tạo, nâng cấp Đài phát thanh truyền hình và khắc phục sự cố công trình tại Đài phát thanh và truyền hình Kiên Giang				11,500	2,836	24.66%
36	Đầu tư xây dựng công trình tại Đài phát thanh và truyền hình tại Hòn Me				450	-	0.00%
37	Dự án Hội trường và phòng họp trực tuyến của văn phòng Đoàn Đại biểu quốc hội và hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang	50,218	575	1.15%			
38	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng và mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm y tế huyện Vĩnh Thuận	69,428	18,075	26.03%			
39	Dự án đầu tư mua sắm trang thiết bị cho 13 trung tâm y tế tuyến huyện và Bệnh viện ung bướu tỉnh Kiên Giang	36,136	25,027	69.26%			
1.12	Văn phòng tỉnh ủy	1,602	-	0.00%	55,081	10,084	18.31%
1	Xây dựng mới kho lưu trữ huyện Gò Quao				1,499	979	65.33%
2	Xây dựng mới kho lưu trữ huyện An Minh				1,497	1,073	71.69%
3	Xây dựng mới nhà công vụ cho khối Đảng và Đoàn thể huyện Kiên Hải				5,448	3,183	58.43%
4	8010519 - Đầu tư xây dựng mới nhà làm việc các Ban của Tỉnh ủy và Đảng ủy Khối các cơ quan - Doanh nghiệp tỉnh (CBĐT)				40,000	4,849	12.12%

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
5	XD mới khu lưu trữ lịch sử Đảng tỉnh ủy	10	-	0.00%			
6	Sửa chữa, cải tạo nhà làm việc huyện ủy Châu Thành	1,581	-	0.00%			
7	Đầu tư hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến của cơ quan Đảng	10	-	0.00%			
8	Xây mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Hòa Hưng; xã Ngọc Chúc; xã Ngọc Thuận, huyện Giồng riềng				826	-	0.00%
9	Xây mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Thạnh Phước, sửa chữa nhà công vụ huyện ủy Giồng riềng, huyện Giồng Riềng				430	-	0.00%
10	Xây mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc, xã Định An, xã Vĩnh Phước A, huyện Gò Quao				796	-	0.00%
11	Xây mới và mua sắm thiết bị nhà ăn huyện Ủy Gò Quao, sửa chữa và mua sắm thiết bị nhà công vụ huyện Ủy Gò Quao, huyện Gò Quao				377	-	0.00%
12	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Phú Lợi, xã Vĩnh Điều, huyện Giang Thành				605	-	0.00%
13	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Nam Thái; sửa chữa nhà làm việc các ban đảng huyện An Biên; sửa chữa và mua sắm thiết bị nhà công vụ huyện ủy huyện An Minh				508	-	0.00%
14	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Bình An; sửa chữa và mua sắm thiết bị hội trường huyện ủy Kiên Lương, huyện Kiên Lương				563	-	0.00%
15	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Vĩnh Thuận; sửa chữa và mua sắm thiết bị nhà công vụ huyện ủy Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận ; xây dựng mới và mua sắm thiết bị nhà ăn xã An Minh Bắc, huyện U Minh Thượng				645	-	0.00%
16	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Sơn Kiên, huyện Hòn Đất; xây dựng mới và mua sắm thiết bị nhà ăn huyện Ủy Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp				590	-	0.00%
17	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị nhà ăn Thành Ủy, thành phố Phú Quốc				297	-	0.00%
18	Dự án đề án tin học hóa các cơ quan Đảng				1,000	-	0.00%
I.13	Ban dân tộc	164	45	27.43%	-	-	-
1	8071613 - Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin	45	45	100%	-	-	
2	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Ban Dân tộc	119	-	0%	-	-	
I.14	UBND huyện An Minh	-	-	-	17,000	-	0.00%
1	Đường KT1	-	-		17,000		0.00%
I.15	UBND Thành phố Rạch Giá	17,137	4,269	24.91%	-	-	-

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
1	7969114 - Kè xử lý sạt lở cấp bách bờ Tây kênh Ông Hiền (từ đường Nguyễn Thái Học đến đường Sư Thiện Ân, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá)	17,137	4,269	24.91%			
I.16	Trường Cao đẳng nghề	-	-	-	5,300	-	0.00%
1	7931834 - Xây dựng, sửa chữa trường Cao đẳng Nghề Kiên Giang				5,300	-	0.00%
I.17	Trường cao đẳng Kiên Giang	-	-	-	3,540	7	0.19%
1	7926187 - Đầu tư xây dựng Trường Cao đẳng Kiên Giang: hạng mục xây dựng mới phòng học, giảng đường, phòng làm việc và mua sắm TB				3,540	7	0.19%
I.18	Ngân hàng Chính sách xã hội	-	-	-	45,000	35,000	77.78%
1	220240012 - Cho vay đối với người nghèo và đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Kiên Giang				25,000	25,000	100.00%
2	220240013 - Cho vay đối với lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang				20,000	10,000	50.00%
I.19	Sở lao động thương binh và xã hội	74,066	18,893	25.51%	2,348	576	24.53%
1	Đầu tư nâng cấp, sửa chữa, bổ sung trang thiết bị cơ sở cai nghiện ma túy đa chức năng tỉnh Kiên Giang				1,400	440	31.44%
2	Sửa chữa, cải tạo ký túc xá và mua sắm thiết bị Trường trung cấp Việt-Hàn Phú Quốc				20	-	0.00%
3	Xây dựng mới dãy 03 phòng học và mua sắm thiết bị dạy nghề Trường trung cấp nghề Tân Hiệp				200	15	7.65%
4	Sửa chữa, cải tạo Nghĩa trang liệt sỹ thành phố Hà Tiên				650	56	8.55%
5	Cải tạo, sửa chữa trụ sở, xây mới dãy 06 phòng học và mua sắm thiết bị trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Kiên Giang				78	65	83.10%
6	Dự án nâng cấp, cải tạo Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Kiên Giang	73,920	18,893	25.56%	-	-	
7	Nâng cấp, cải tạo mộ Nghĩa trang liệt sỹ huyện Hòn Đất	146	-	0.00%	-	-	
I.20	Dự án chưa phân khai				1,980,877	-	0.00%
I.21	Ban thực hiện dự án phát triển cơ sở hạ tầng Du lịch (GMS)	183	-	0.00%			
1	Dự án "phát triển hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện cho khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng" gồm: Cải thiện vệ sinh môi trường khu du lịch Chùa Hang - Hòn Phụ Tử và tiểu dự án Nâng cấp hạ tầng di tích danh lam thắng cảnh Núi Đá Dựng (di tích quốc gia)	183	-	0.00%			
I.22	Sở Thông tin Truyền thông	47	-	0.00%	-	-	-
1	Dự án đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh	47	-	0.00%			
I.23	Sở Nội vụ	1,569	329	0.00%	-	-	-

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
1	Cải tạo, mở rộng Sở Nội vụ tỉnh Kiên Giang	1,569	329	0.00%			
I.24	Sở Y Tế	14,542	641	0.00%	142	-	0.00%
1	7420502 - Bệnh viện đa khoa Kiên Giang (1020 giường)	14,542	641	4.41%			
2	Cải tạo, sửa chữa, mua sắm thiết bị Trung tâm y tế thành phố Phú Quốc				142	-	0.00%
I.25	Vườn Quốc gia Phú Quốc				3,033	-	0.00%
1	Xây dựng tuyến đường Vành Đai bao quanh vườn Quốc gia Phú Quốc giai đoạn 1				3,033	-	0.00%
II	Huyện, thành phố quản lý	1,057,788	117,644	11.1%	4,627,400	1,463,334	31.62%
1	Huyện Vĩnh Thuận	27,952	14,747	52.76%	275,492	96,630	35.08%
2	Huyện Hòn Đất	894	196	21.92%	265,410	82,119	30.94%
3	Huyện Gò Quao	17,058	4,562	24285.00%	263,164	99,828	37.93%
4	Huyện An Minh	24,285	5,520	22.73%	237,066	91,496	38.60%
5	Huyện Kiên Hải	4,377	144	3.29%	96,226	32,615	33.89%
6	Huyện An Biên	39,553	21,348	53.97%	225,501	71,616	31.76%
7	Huyện Châu Thành	207,427	47,753	23.02%	158,065	56,026	35.44%
8	Huyện Kiên Lương	144,315	3,972	2.75%	354,180	61,927	17.48%
9	Huyện Tân Hiệp	14,721	4,432	30.11%	98,562	49,791	50.52%
10	Thành phố Phú Quốc	109,516	-		313,642	122,777	39.15%
11	Huyện Giồng Riềng	4,932	3,786	76.76%	254,585	110,025	43.22%
12	Thành phố Hà Tiên	1,023	-		803,162	159,762	19.89%
13	Huyện U Minh Thượng	23,682	3,842	16.22%	103,834	53,268	51.30%
14	Thành phố Rạch Giá	433,834	5,260	1.21%	1,039,241	319,932	30.79%
15	Huyện Giang Thành	4,219	2,082	49.35%	139,270	55,522	39.87%
	NGUỒN DỰ PHÒNG NSTW	500,000	166,460	33.29%	-	-	-
I	Dự án do tỉnh quản lý	500,000	166,460	33.29%	-	-	-
I.1	Ban quản lý Nông nghiệp và PTNT	500,000	166,460	33.29%	-	-	-
1	8072698 - Đầu tư xử lý sạt lở bờ biển huyện Hòn Đất (CBĐT)	250,000	83,370	33.35%			
2	8072699 - Phòng chống xâm thực, xói lở bờ biển đoạn Thứ Hai - Xẻo Bần thuộc An Biên - An Minh (CBĐT)	250,000	83,090	33.24%			

